

VIETNAM DAILY

[Điểm nhấn thị trường]

VNIndex hồi phục và đóng cửa ở mức giảm nhẹ nhờ lực cầu bắt đáy

[Hợp đồng Tương Lai/Quỹ ETF]

Các HĐTL đồng loạt giảm điểm, phản ánh tâm lý thận trọng của nhà đầu tư

[Cổ phiếu tác động đến thị trường]

VRE, KBC

[Vĩ Mô/Chiến Lược]

Chỉ số PMI và IIP Tháng 1: Chưa xuất hiện động lực mới

[Cập Nhật Ngành]

Tác động của dịch Corona đến ngành Hàng Không

[Quan điểm đầu tư]

Kết hợp bán trading 1 phần tỷ trọng tại vùng kháng cự

03/02/2020

	Chỉ số	Thay đổi (%, bp)
VNIndex	928.14	-0.91
VN30	842.67	-0.70
HĐTL VN30	841.00	-1.29
HNXIndex	101.31	-1.03
HNX30	176.24	-0.96
UPCoM	54.38	-1.36
USD/VNĐ	VND23,263	+0.17
Lợi suất TPCP 10 năm (%)	3.28	+13
Lãi suất qua đêm (%)	2.78	+8
Dầu (WTI, \$)	51.56	+0.00
Vàng (LME, \$)	1,577.57	-0.73



Điểm nhấn thị trường

VNIndex 928.14 (-0.91%)
KLGD (triệu CP) 246.4 (+17.0%)
GTGD (triệu US\$) 217.3 (+3.2%)

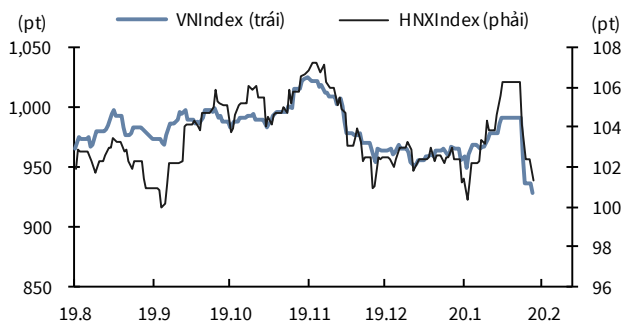
HNXIndex 101.31 (-1.03%)
KLGD (triệu CP) 63.5 (+33.7%)
GTGD (triệu US\$) 25.5 (+22.1%)

UPCoM 54.38 (-1.36%)
KLGD (triệu CP) 16.2 (+20.0%)
GTGD (triệu US\$) 7.8 (+29.9%)

NĐTNN mua ròng (triệu US\$) +2.4

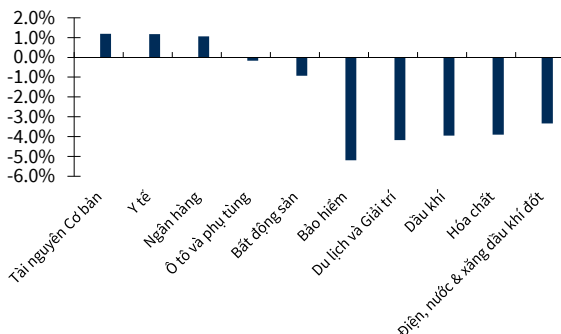
Lực cầu bắt đáy, tập trung ở nhóm cổ phiếu ngân hàng (BID, CTG), tăng dần về cuối phiên giúp chỉ số VNIndex hồi phục và đóng cửa ở mức giảm nhẹ. Trước đó, do chịu tác động bởi diễn biến lao dốc của TTCK Trung Quốc trước ảnh hưởng của dịch cúm Corona, chỉ số VNIndex đã có thời điểm giảm hơn 40 điểm ngay sau khi mở cửa đầu phiên. Nhờ báo cáo KQKD 2019 mới đây công bố vượt kỳ vọng của thị trường, bộ 3 cổ phiếu VIC-VHM-VRE giao dịch tích cực hơn so với thị trường chung. Ở chiều ngược lại, nhóm cổ phiếu thủy sản (VHC, HVG, ANV) đồng loạt giảm sâu sau khi công bố KQKD 2019 lợi nhuận giảm mạnh. Nhóm cổ phiếu dược (DHG, IMP, TRA) tiếp tục có phiên tăng điểm với thanh khoản ở mức cao, mặc dù áp lực chốt lời có phần gia tăng về cuối phiên giao dịch. Trong khi đó, nhóm cổ phiếu hàng không (VJC, HVN), tiếp tục giảm mạnh do việc hạn chế chuyến bay đến Trung Quốc. Nhóm cổ phiếu mang tính thị trường cao (ROS, FIT, KLF) đồng loạt giảm sàn, phản ánh tâm lý thận trọng của thị trường chung. Đáng chú ý, khối ngoại quay trở lại mua ròng nhẹ trong phiên hôm nay, tập trung ở VNM, E1FVN30 và VHM.

VN Index & HNX Index



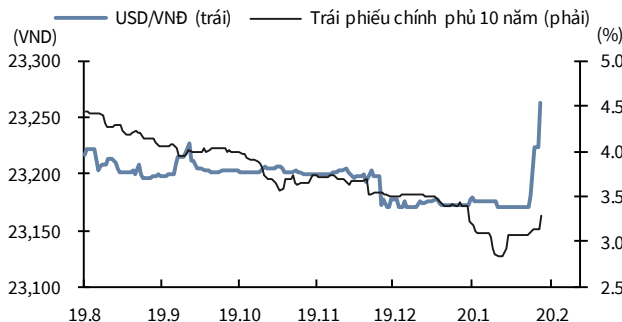
Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

Biến động nhóm ngành



Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

USD/VND & lợi suất trái phiếu chính phủ 10 năm



Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

Việt Nam - Mua ròng khối ngoại lũy kế 3 tháng



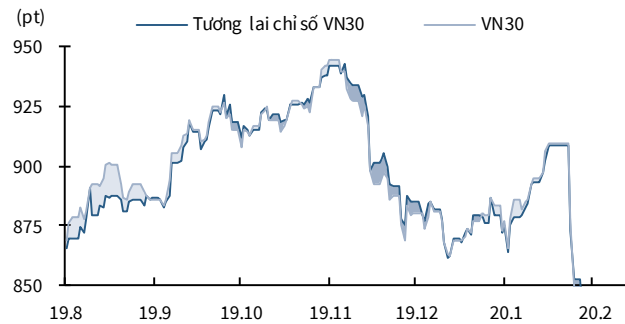
Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

Hợp đồng Tương Lai/Quỹ ETF

VN30	842.67 (-0.70%)
VN30 tương lai	841.0 (-1.29%)
Mở cửa	847.1
Cao nhất	850.0
Thấp nhất	811.0
Hợp đồng	184,373 (+31.9%)
KL HĐ mở OI	N/A

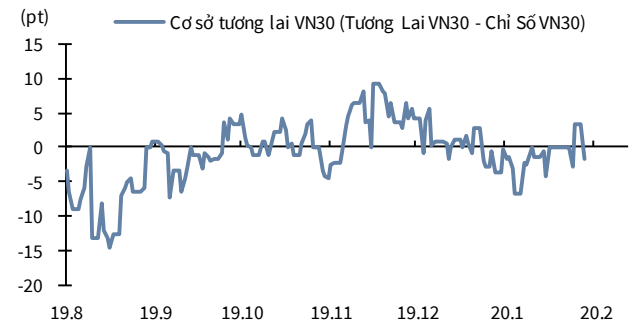
Các HĐTL đồng loạt giảm điểm, với mức giảm của F2002 lớn hơn chỉ số VN30 Index, khiến chênh lệch chuyển từ dương sang âm nhẹ -1.7 điểm, phản ánh tâm lý thận trọng của nhà đầu tư vào nhịp hồi của chỉ số VN30 vào cuối phiên. Thanh khoản trên thị trường phái sinh sụt giảm mạnh so với phiên hôm qua, dù vẫn ở mức cao, cho thấy dòng tiền đã phần nào chuyển dịch sang thị trường cơ sở. Nhà đầu tư nước ngoài tiếp tục có phiên giao dịch tích cực với giá trị bán ròng nhẹ ở F2002.

HĐTL chỉ số VN30 (1M) & VN30 Index



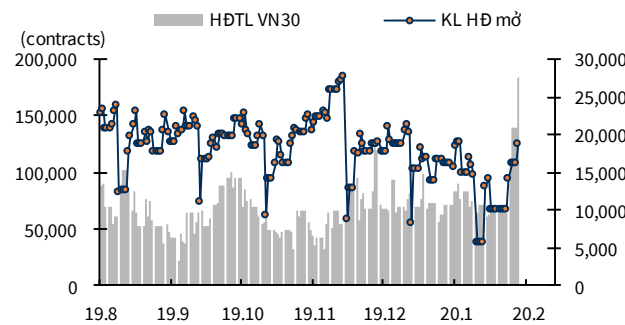
Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

Chênh lệch HĐTL VN30 (1M) so với VN30 Index



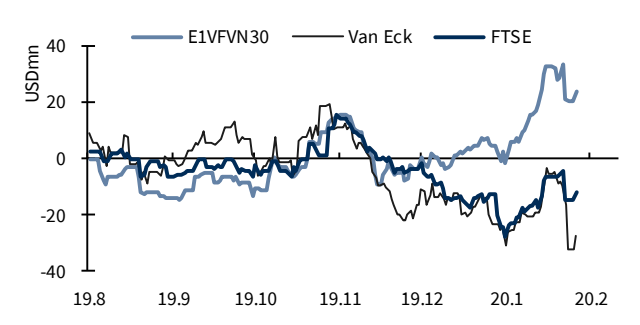
Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

KLGD HĐTL VN30 1M & KL hợp đồng mở



Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

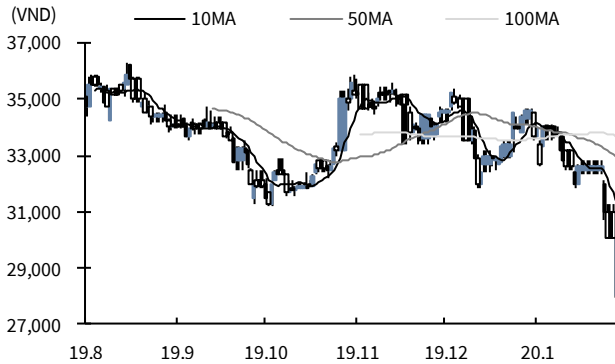
Quy mô các quỹ ETFs lớn



Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

Tâm điểm cổ phiếu trong ngày

Vincom Retail (VRE)

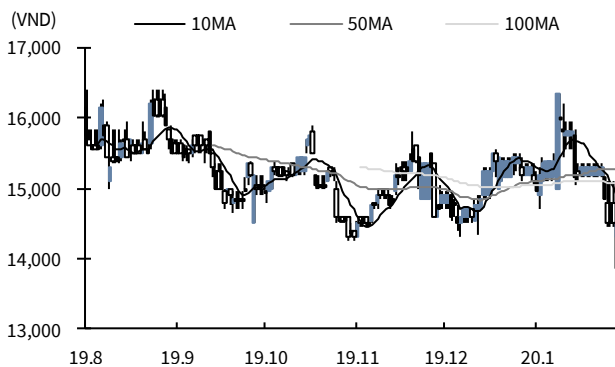


Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

- VRE tăng 0.5% lên 30,200 VNĐ/cp.

- Báo cáo tài chính VRE cho biết, trong năm 2019, doanh nghiệp đạt lợi nhuận 2,848 tỷ đồng (tăng 18% YoY) và doanh thu 9,259 tỷ đồng (tăng 1.5% YoY). Lợi nhuận VRE có mức tăng trưởng cao nhờ giá vốn chuyển nhượng bất động sản giảm 60% và giá vốn cung cấp dịch vụ khác giảm 55% so với cùng kỳ năm trước.

Kinh Bắc (KBC)



Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

- KBC tăng 0.7% lên 14,600 VNĐ/cp.

- Báo cáo tài chính KBC cho biết, trong năm 2019, doanh nghiệp đạt lợi nhuận 1,080 tỷ đồng (tăng 34% YoY) và doanh thu 3,250 tỷ đồng (tăng 31% YoY). Theo đó, công ty đạt 83% chỉ tiêu doanh thu và vượt chỉ tiêu lợi nhuận 4.2%. Trong cơ cấu doanh thu của KBC, riêng mảng cho thuê đất chiếm 88%, tương đương 2.866 tỷ đồng (+36% YoY) đến từ các hợp đồng cho thuê đất tại Khu công nghiệp Quang Châu, Tân Phú Trung, Trảng Duệ và Khu công nghiệp Quế Võ.

Tác động của dịch Corona đến ngành Hàng Không.

Lượng khách quốc tế đến Việt Nam năm 2020 bị ảnh hưởng nghiêm trọng.

Chính phủ Việt Nam đã có động thái ngừng cấp phép các chuyến bay đi đến vùng có dịch trước diễn biến phức tạp của dịch Corona (nCOV).

— Dịch Corona (nCOV) tại Trung Quốc đang có diễn biến phức tạp. Theo số liệu tổng hợp mới nhất tính đến ngày 03/02/2020 ghi nhận 362 ca tử vong, 17,297 người mắc bệnh. Dịch hiện tại đã lan ra 27 quốc gia. Nhằm ngăn chặn dịch lây lan, các nước trong đó có Việt Nam đã nhanh chóng có những biện pháp phòng tránh. Cụ thể, Chính phủ đã yêu cầu bộ GTVT ngừng cấp phép các chuyến bay đi - đến giữa vùng có dịch tại Trung Quốc và Việt Nam và một số địa phương cũng đã quyết định sẽ ngưng tiếp nhận khách Trung Quốc, Hà Nội đã tạm ngừng cấp thị thực cho khách Trung Quốc và đã từng ở Trung Quốc trong 2 tuần qua. Bên cạnh đó, Vietjet Air đã tuyên bố tạm ngừng bay các chuyến Trung Quốc từ ngày 01/02/2020 trong khi Vietnam Airline cũng đã quyết định dừng nhiều chuyến sang Trung Quốc.

Hoạt động kinh doanh của ngành hàng không nói riêng và ngành du lịch dịch vụ chịu ảnh hưởng nặng nề từ dịch nCOV tương tự như đại dịch SARS.

— Theo đánh giá của KBSV, dịch nCOV sẽ có ảnh hưởng nghiêm trọng đến kết quả hoạt động kinh doanh của ngành hàng không nói riêng và ngành dịch vụ du lịch nói chung tương tự như đại Dịch SARS diễn ra trong giai đoạn cuối tháng 11/2002 kéo dài đến hết tháng 07/2003. Giai đoạn 1999 - 2002 là giai đoạn khởi sắc của ngành hàng không các quốc gia khu vực Đông Á - Thái Bình Dương với CAGR hành khách 3 năm đạt 9.9%. Tuy nhiên, đại dịch SARS diễn ra khiến tổng lượng khách du lịch bằng đường hàng không năm 2003 chỉ còn duy trì tăng trưởng 0.7% do ảnh hưởng của SARS (riêng Việt Nam giảm 1.7%) và hồi phục mạnh mẽ trở lại năm 2004, tăng 39% (Biểu đồ 1). Chúng tôi cho rằng, tác động của dịch nCOV đối với Việt Nam sẽ khó lường hơn do: (1) Việt Nam nằm ngay sát Trung Quốc và tốc độ lây lan của nCOV là lớn hơn SARS; (2) Tỷ trọng khách du lịch Trung quốc/Tổng lượng khách quốc tế đang tăng dần qua các năm, chiếm 32% năm 2019 do các hãng hàng không liên tục mở mới các chuyến bay đến các tỉnh Trung Quốc.

KBSV dự kiến lượng hành khách quốc tế đến Việt Nam sẽ không có tăng trưởng trong năm 2020.

— Chúng tôi đưa ra các kịch bản về thời gian kéo dài của dịch nCOV tác động đến tăng trưởng hành khách quốc tế tại Việt Nam với giả định tăng trưởng khách hàng Trung Quốc giảm 75% và hành khách từ các quốc gia khác không tăng trưởng trong các tháng diễn ra dịch. Chúng tôi kỳ vọng thời gian kéo dài dịch nCOV sẽ ngắn hơn so với dịch SARS (6 tháng) do Trung Quốc và cộng đồng Quốc Tế đã có những phản ứng nhanh chóng hơn. Đối với các tháng kết thúc dịch, chúng tôi giả định tăng trưởng 15% tương đương tăng trưởng năm 2019. Với giả định cơ sở là thời gian Dịch kéo dài 3-4 tháng, chúng tôi dự phóng lượt hành khách quốc tế đến Việt Nam năm 2020 hầu như không có tăng trưởng, đạt khoảng -1% đến 2%, giảm mạnh so với năm 2019 đạt 15% (Biểu đồ 2).

PMI và IIP tháng 1

Chưa xuất hiện động lực mới

Chỉ số PMI tháng 1 duy trì trạng thái mở rộng tháng thứ 50 liên tiếp trong lĩnh vực sản xuất

- Số liệu từ HIS Markit cho thấy, chỉ số PMI đạt ở ngưỡng 50.6 điểm trong tháng 1 – duy trì trạng thái mở rộng (trên 50 điểm) trong 50 tháng liên tiếp.
- Nhân tố hỗ trợ cải thiện điều kiện kinh doanh là số lượng các đơn đặt hàng mới tiếp tục duy trì đà tăng nhẹ, với nhu cầu khách hàng gia tăng. Đặc biệt, các đơn đặt hàng xuất khẩu mới đã gia tăng trở lại sau khi giảm nhẹ vào tháng 12.
- Điểm đáng lưu ý là sản lượng sản xuất tiếp tục suy giảm, trong khi hàng tồn kho sau sản xuất giảm với tốc độ nhanh nhất trong 3 tháng.
- PMI trong tháng 1 cho thấy tình hình lĩnh vực sản xuất của Việt Nam chưa có nhiều thay đổi mạnh trong ngắn hạn. Điểm tích cực duy nhất là sản lượng sản xuất có thể hồi phục nhẹ trở lại trong trường hợp số lượng đơn đặt hàng mới tiếp tục gia tăng.

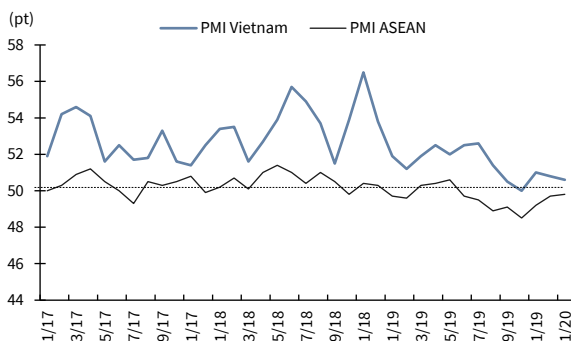
Chỉ số sản xuất công nghiệp tháng 1 (IIP) giảm mạnh do tác động của Tết Nguyên Đán

- Số liệu từ Tổng cục Thống kê cho thấy, chỉ số IIP toàn ngành công nghiệp giảm mạnh (-5.5% YoY) – mức giảm đầu tiên trong vòng 5 năm qua. Chỉ số các ngành IIP cấp 1 cũng sụt giảm, đặc biệt IIP ngành chế biến chế tạo giảm tới 4.8% YoY. Hầu hết các nhóm ngành cấp 2 chính trong chế biến chế tạo đều giảm – ngoại trừ than cốc và dầu mỏ tinh chế do nhà máy Nghi Sơn đã hoạt động hết công suất trở lại.
- KBSV đánh giá nguyên nhân chủ yếu do Tết Nguyên Đán năm nay diễn ra vào cuối tháng 1 nên số ngày làm việc ít hơn so với cùng kỳ. Tuy nhiên, cần phải nói thêm rằng, lĩnh vực chế biến – chế tạo trong thời gian qua chưa xuất hiện thêm động lực tăng trưởng mới và khiến tác động của yếu tố mùa vụ trở nên rõ ràng như vậy.

Chỉ số PMI và IIP trong tháng 2 sẽ bị ảnh hưởng bởi dịch Corona

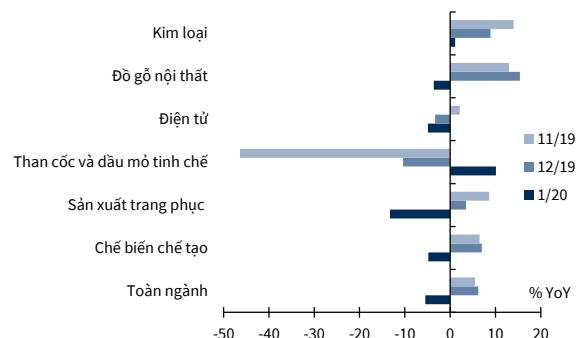
- Dịch Corona sẽ có tác động xấu đối với ngành sản xuất của Việt Nam trong ngắn hạn – khi hoạt động thương mại của Việt Nam và Trung Quốc bị hạn chế.
- Do vậy, chỉ số PMI sẽ duy trì mức tương đương hoặc giảm nhẹ với tháng 1. Trong khi đó, đối với IIP, với mức nền tháng 2 năm ngoái thấp do Tết Nguyên Đán, IIP tháng 2 dự báo sẽ tăng nhẹ nếu tính theo YoY.

Biểu đồ 1. PMI Việt Nam và ASEAN



Nguồn: IHS Markit, KBSV

Biểu đồ 2. Biến động IIP các nhóm ngành sản xuất



Nguồn: TCTK, KBSV

Quan Điểm Phân Tích Kỹ Thuật

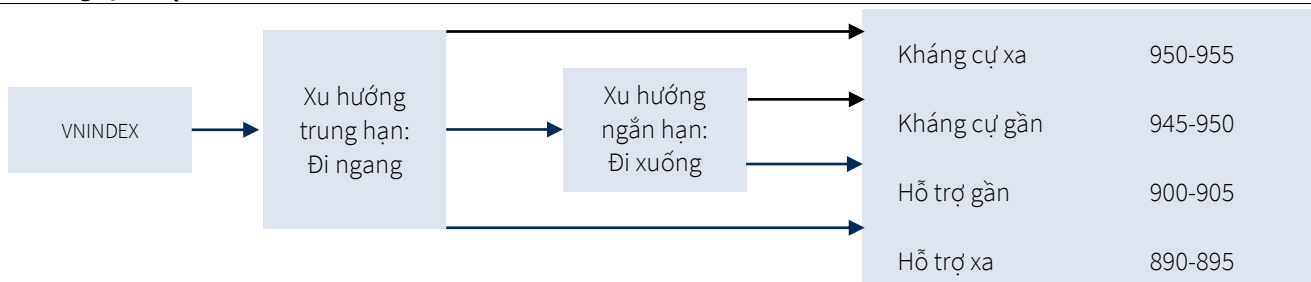
Xu Hướng Kỹ Thuật

Thị Trường Cơ Sở



Nguồn : FiinPro, KB Securities Vietnam

Xu hướng kỹ thuật



Nguồn : FiinPro, KB Securities Vietnam

- Diễn biến hồi phục và thu hẹp đáng kể mức giảm điểm về cuối phiên giúp VNIndex hình thành mẫu hình nến hammer/pinbar với bóng dưới khá dài. Tín hiệu này thể hiện tâm lý NĐT đã phần nào được cải thiện, đồng thời mang lại cơ hội đảo chiều hồi phục ngắn hạn cho thị trường.
- Mặc dù vậy chúng tôi cho rằng, sau một nhịp giảm điểm với độ dốc lớn, cơ hội tạo đáy thành công ngay tại nhịp này chưa thực sự cao và chỉ số sẽ sớm gặp áp lực rung lắc điều chỉnh ở vùng kháng cự 930-940.
- - NĐT được khuyến nghị kết hợp bán trading 1 phần tỷ trọng tại vùng kháng cự và chờ nhịp giảm sau trước khi mua trở lại nhằm giảm giá vốn cho vị thế còn nắm giữ.

Hợp Đồng Tương Lai Chỉ Số VN30



Nguồn : FiinPro, KB Securities Vietnam

- Tương tự VNIndex, lực cầu bắt đáy mạnh đã giúp chỉ số VN30 tạm giảm điểm và tạo mẫu hình nến pinbar rút chân. Tín hiệu này mang lại cơ hội hồi phục ngắn hạn cho chỉ số.
- Tuy nhiên, chúng tôi cho rằng chỉ số sẽ sớm gặp áp lực rung lắc điều chỉnh tại vùng kháng cự 845-855 và không loại trừ khả năng sẽ quay lại xu hướng đi xuống thử thách lại vùng đáy cũ.
- NĐT được khuyến nghị có thể tận dụng những nhịp phục hồi để mở vị thế SHORT ngắn nếu chỉ số quay lên quanh cận trên của vùng kháng cự.

KBSV Danh Mục Đầu Tư Mẫu

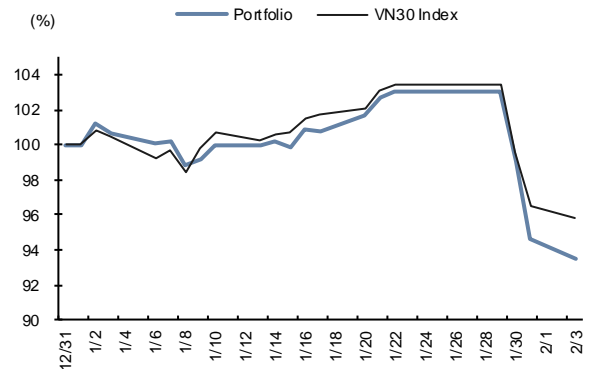
Khối Phân Tích KBSV

Phương Pháp Tiếp Cận:

- Danh mục tập hợp các cổ phiếu tiềm năng nhất được KBSV nghiên cứu và khuyến nghị nắm giữ trong 3 tháng tới với mục đích mang lại hiệu suất vượt trội so với chỉ số VNIndex.
- Ngưỡng chốt lời tại +30% và cắt lỗ tại -15%
- Luôn duy trì 100% danh mục là cổ phiếu (có thể bao gồm CCQ ETF) với trọng số được phân bổ đều (tỷ trọng cổ phiếu trong danh mục được điều chỉnh hàng tháng).

	VN Index 30 Index	Master Portfolio
Tăng trong phiên	-0.70%	-1.19%
Tăng lũy kế (YTD)	-4.14%	-6.51%

So Sánh hiệu suất với VN30 Index



Danh mục đầu tư mẫu

Mã CP	Ngày khuyến nghị	Giá đóng cửa 03/02/2020	Tăng/giảm trong phiên (%)	Tăng/giảm lũy kế (%)	Điểm nhấn đầu tư
Mobile World (MWG)	09/08/2019	108,800	-18%	2.8%	- MWG đã tối ưu hóa doanh thu cho chuỗi cửa ĐMX và TGDD - BHX dự kiến sớm đạt điểm hòa vốn tại cửa hàng và trung tâm phân phối - Về dài hạn, BHX đặt mục tiêu năm 10-15% thị trường bán lẻ thực phẩm
Nam Long Invest (NLG)	03/06/2019	25,800	-2.6%	4.9%	- NLG dẫn đầu trong phát triển nhà ở phân khúc trung cấp và vừa túi tiền - Tình tài chính lành mạnh với tỷ lệ nợ vay thấp
Phu Nhuận Jewelry (PNJ)	22/03/2019	82,800	-18%	19.1%	- Tăng trưởng doanh số bán lẻ trang sức vẫn duy trì ở mức cao - PNJ hội tụ đủ điều kiện để thành công trên thị trường đồng hồ đeo tay - Hoạt động kinh doanh cốt lõi tăng trưởng trở lại sau sự cố "ERP"
Military Bank (MBB)	18/12/2018	20,350	-2.2%	13.6%	- NFI tăng trưởng mạnh mẽ từ dịch vụ bảo hiểm (thông qua MIC) - Tỷ lệ CASA cao và việc gia tăng cho vay bán lẻ cải thiện NIM - M-Credit vẫn đang được đặt nhiều kỳ vọng với lợi thế huy động vốn
Refrig Elec Eng (REE)	11/10/2018	33,500	-12%	8.8%	- Mảng cho thuê vẫn phòng đem lại dòng tiền ổn định cho REE - Đầu tư chiến lược vào ngành tiện ích đem về dòng cổ tức ổn định dài hạn
FPT Corp (FPT)	06/09/2018	51,500	-10%	46.8%	- Hoạt động xuất khẩu phần mềm đang tăng trưởng mạnh - Mảng viễn thông dự kiến duy trì ổn định tăng trưởng 15% - Dự kiến FPT có thể duy trì tốc độ tăng trưởng lợi nhuận trên 20% hết 2020
Vietin Bank (CTG)	01/31/2020	25,150	3.1%	0.0%	- Kết quả kinh doanh tăng trưởng mạnh trong năm 2019 - Kỳ vọng vào việc tăng vốn sẽ diễn ra mạnh mẽ trong năm 2020 - Chất lượng tài sản được cải thiện mạnh
Power Const No. 1 (PC1)	06/11/2019	15,650	-6.8%	-3.2%	- Đóng góp lớn từ dự án BĐS Thanh Xuân và mảng xây lắp đường truyền. - Mảng xây lắp điện kỳ vọng tăng trưởng mạnh do nhu cầu đầu tư từ EVN. - Công suất các nhà máy điện của PC1 dự kiến tăng mạnh trong năm 2020.
Hoa Phat Group (HPG)	04/12/2019	24,550	19%	12.2%	- Sản lượng tiêu thụ thép bắt đầu hồi phục trở lại - Giá thép xây dựng có tín hiệu bắt đầu xu hướng hồi phục - Công suất tăng thêm từ dự án Dung Quất giúp HPG mở rộng thị phần.
Petro Tech Services (PVS)	15/08/2018	15,600	-4.3%	3.6%	- Hàng loạt các dự án đầu khí lớn sẽ được khởi động từ năm 2020 trở về sau - Dự báo EPS cốt lõi 2019-2023 sẽ đạt tăng trưởng kép hàng năm 9.0%

Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

Thống kê thị trường

HSX – Top 5 cổ phiếu mua/bán ròng khô ngoại

Mã	Thay đổi (%)	Sở hữu nước ngoài (%)	Mua ròng (Tỷ VND)
VNM	-0.2%	58.8%	27.7
E1VFN30	-1.3%	99.0%	20.7
VHM	-2.6%	15.0%	14.8
GAS	-3.8%	3.7%	14.4
HDB	0.0%	23.3%	13.2

Mã	Thay đổi (%)	Sở hữu nước ngoài (%)	Bán ròng (Tỷ VND)
VJC	-3.6%	19.5%	-31.4
VIC	0.0%	14.8%	-25.3
PLX	-3.8%	13.4%	-15.3
CTG	3.1%	29.7%	-7.7
MSN	-0.2%	39.2%	-7.2

Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

HNX – Top 5 cổ phiếu mua/bán ròng khô ngoại

Ticker	Thay đổi (%)	Sở hữu nước ngoài (%)	Mua ròng (Tỷ VND)
CEO	0.0%	15.7%	1.6
TIG	-8.1%	16.7%	0.9
AMV	0.0%	2.0%	0.9
LAS	-3.3%	5.5%	0.5
HAT	-9.7%	7.6%	0.3

Ticker	Thay đổi (%)	Sở hữu nước ngoài (%)	Bán ròng (Tỷ VND)
SHB	5.3%	10.7%	-14.0
PVS	-4.3%	21.5%	-2.2
NTP	-5.9%	20.4%	-1.5
DHT	9.9%	3.2%	-0.3
VCS	-1.5%	2.2%	-0.3

Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

Nhóm ngành – Top 5 nhóm ngành tăng/giảm trong tuần

5 ngành diễn biến tích cực nhất	Thay đổi (%)	Mã tiêu biểu
Y tế	9.1%	DHG, IMP
Ô tô và phụ tùng	1.0%	TCH, HHS
Bất động sản	-1.4%	KOS, PDR
Truyền thông	-3.1%	YEG, PNC
Ngân hàng	-3.4%	BID, VPB

5 ngành diễn biến tiêu cực nhất	Thay đổi (%)	Mã tiêu biểu
Du lịch và Giải trí	-14.5%	VJC, HVN
Bảo hiểm	-13.1%	BVH, BMI
Công nghệ thông tin	-9.8%	FPT, CMG
Thực phẩm và đồ uống	-9.4%	VNM, SAB
Dầu khí	-9.3%	PLX, PVD

Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

Nhóm ngành – Top 5 tăng/giảm trong tháng

5 ngành diễn biến tích cực nhất	Thay đổi (%)	Mã tiêu biểu
Ô tô và phụ tùng	12.4%	TCH, HHS
Y tế	7.4%	DHG, PME
Ngân hàng	5.8%	BID, CTG
Tài nguyên Cơ bản	0.9%	HPG, DHC
Bất động sản	-1.0%	VHM, VIC

5 ngành diễn biến tiêu cực nhất	Thay đổi (%)	Mã tiêu biểu
Bảo hiểm	-15.6%	BVH, BMI
Du lịch và Giải trí	-14.9%	VJC, HVN
Điện, nước & xăng dầu khí đốt	-13.1%	GAS, POW
Dầu khí	-11.9%	PLX, PVD
Công nghệ thông tin	-9.4%	FPT, CMG

Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

Việt Nam – Cổ phiếu tiêu biểu

Khu vực	Mã	Tên công ty	Giá bán	Vốn hóa thị trường (VND tỷ)	GTGD (VND triệu USDmn)	Room còn lại (% -1d)	PER (X)		EPS CAGR (%)	ROE (%)		P/B (X)		Biến động (%)			
							19E	20E		19E	20E	19E	20E	1D	1W	1M	YTD
Bất Động Sản	VIC	VINGROUP JSC	114,800	388,303 (16,694)	38,607 (1.7)	22.0	41.0	26.0	48.4	8.2	18.9	4.4	3.9	0.0	-0.1	-0.4	-0.2
	VHM	VINHOMES JSC	85,200	280,267 (12,049)	61,302 (2.6)	34.0	10.2	8.2	39.3	36.7	32.3	3.3	2.3	-2.6	-0.9	0.0	0.5
	VRE	VINCOM RETAIL JS	30,200	68,624 (2,950)	32,306 (1.4)	16.1	19.9	16.0	17.3	10.9	11.8	2.2	2.0	0.5	-5.6	-12.7	-11.2
	NVL	NOVA LAND INVES	56,000	54,294 (2,334)	19,637 (0.8)	31.6	17.6	16.5	-5.2	12.0	12.1	-	-	1.6	0.0	0.0	-5.9
	KDH	KHANGDIENHOUSE	24,700	13,447 (578)	4,930 (0.2)	4.4	11.0	10.0	20.7	15.0	14.8	1.6	1.5	-1.2	-4.3	-6.4	-8.2
	DXG	DAT XANH GROUP	10,850	5,648 (242)	19,870 (0.9)	3.8	3.8	2.7	3.3	18.0	22.7	0.7	-	-6.1	-15.9	-21.9	-25.2
Ngân hàng	VCB	BANK FOR FOREIGN	88,700	328,977 (14,143)	114,733 (4.9)	6.2	15.8	13.6	23.7	24.5	22.4	3.1	2.6	0.0	-5.6	-1.3	-1.7
	BID	BANK FOR INVESTM	53,500	215,178 (9,251)	49,398 (2.1)	12.0	24.4	20.1	15.9	14.1	14.5	2.6	2.5	3.9	0.4	14.6	15.9
	TCB	VIETNAM TECHNOLO	21,450	75,078 (3,228)	67,000 (2.9)	0.0	6.8	5.9	8.1	17.0	16.4	1.0	0.9	-0.7	-8.1	-9.3	-8.9
	CTG	VIETNAM JS COMM	25,150	93,644 (4,026)	185,168 (8.0)	0.3	10.2	8.2	30.5	13.4	13.4	1.1	0.9	3.1	0.2	18.1	20.3
	VPB	VIETNAM PROSPERI	22,600	55,093 (2,369)	63,650 (2.7)	0.1	5.8	5.1	13.6	20.8	19.6	1.1	0.9	0.7	0.4	10.8	13.0
	MBB	MILITARYCOMMERC	20,350	47,328 (2,035)	122,129 (5.3)	0.0	5.7	4.8	15.5	20.9	20.4	1.1	0.9	-2.2	-7.5	-4.2	-2.2
	HDB	HDBANK	27,000	25,991 (1,117)	44,240 (1.9)	6.7	7.1	6.2	12.8	19.5	19.6	1.3	1.1	0.0	-4.4	-2.0	-2.0
	STB	SACOMBANK	10,250	18,487 (795)	55,950 (2.4)	11.5	6.3	4.9	56.6	10.3	13.2	0.6	0.5	0.5	-4.2	0.5	2.0
	TPB	TIENPHONGCOMME	20,750	17,151 (737)	2,681 (0.1)	0.0	5.4	4.6	33.5	22.4	21.3	1.1	-	-0.7	-3.5	-3.5	-1.4
	EIB	VIETNAM EXPORT-I	17,700	21,761 (936)	2,773 (0.1)	0.0	23.4	24.1	18.6	5.8	5.3	1.3	1.2	-0.8	-0.6	2.6	-0.6
Bảo hiểm	BVH	BAOVIET HOLDING	55,600	41,273 (1,774)	9,800 (0.4)	19.5	29.6	12.1	8.0	8.8	16.6	2.2	1.9	-5.4	-15.0	-19.0	-19.0
	BMI	BAOMINHINSURANC	24,850	2,270 (098)	759 (0.0)	11.4	-	-	-	-	-	-	-	-1.8	-2.5	-3.1	0.2
Chứng khoán	SSI	SSI SECURITIES C	17,050	8,833 (380)	35,039 (1.5)	44.8	3.9	7.3	33.9	10.5	11.4	0.7	0.8	-3.7	-11.4	-6.6	-5.5
	VCI	VIETCAPITAL SEC	26,800	4,405 (189)	1,007 (0.0)	64.0	7.4	6.2	-14.5	13.9	14.8	1.0	0.9	0.0	-6.1	-7.6	-9.2
	HCM	HOCHIMINH CITY	18,650	5,698 (245)	23,785 (1.0)	43.7	11.0	6.5	-16.4	11.5	17.7	1.2	1.1	-3.1	-13.7	-12.0	-12.6
	VND	VNDIRECT SECURIT	14,000	2,920 (126)	2,936 (0.1)	8.7	8.1	6.2	-4.2	12.3	15.1	0.9	0.8	-4.8	-3.1	-2.8	-2.8
Hàng tiêu dùng thiết yếu	VNM	VIETNAM DAIRYP	108,300	188,591 (8,108)	95,332 (4.1)	41.2	18.1	17.4	7.1	39.0	38.6	6.1	5.5	-0.2	-9.0	-8.5	-7.0
	SAB	SAIGON BEER ALCO	208,900	133,964 (5,759)	6,094 (0.3)	36.7	23.5	18.0	19.7	32.0	36.8	6.6	5.9	-1.5	-11.5	-7.0	-8.4
	MSN	MASAN GROUP CORP	50,000	58,447 (2,513)	32,551 (1.4)	9.8	13.7	10.6	-14.7	11.7	13.1	1.5	1.3	-0.2	-7.9	-13.0	-11.5
HNG	HOANGANH GIA LA	13,500	14,965 (643)	3,697 (0.2)	48.6	-	-	-	-	-	-	-	-	0.0	-2.2	-4.9	-2.9
Công nghiệp (vận tải)	VJC	VIETJET AVIATION	125,500	65,742 (2,826)	66,785 (2.9)	10.5	10.8	8.6	10.1	37.8	40.5	3.3	2.6	-3.6	-14.6	-15.2	-14.2
	GMD	GEMADEPT CORP	18,950	5,627 (242)	9,746 (0.4)	0.0	10.0	9.8	-44.5	9.2	9.1	0.9	0.9	-0.8	-11.0	-16.7	-18.7
	CII	HOCHIMINH CITY	24,250	6,010 (258)	13,361 (0.6)	19.0	7.2	9.8	202.7	17.5	12.8	0.9	-	-1.0	-6.7	5.0	7.8
Công nghiệp (Tư bản)	ROS	FLC FAROS CONSTR	8,680	4,927 (212)	65,893 (2.8)	45.0	-	-	-	-	-	-	-	-7.0	-14.5	-42.7	-49.8
	GEX	VIETNAM ELECTRIC	19,200	9,374 (403)	10,964 (0.5)	33.5	9.7	7.5	-2.5	13.3	15.8	1.3	1.3	-0.5	-2.8	0.0	-0.8
	CTD	COTECCONS CONSTR	52,200	3,982 (171)	7,067 (0.3)	1.9	6.2	7.7	-30.7	7.8	6.1	0.4	-	-6.3	-2.4	-2.1	1.8
	REE	REE	33,500	10,387 (447)	28,968 (1.2)	0.0	6.0	5.2	-1.5	15.5	15.0	0.9	-	-1.2	-8.8	-8.2	-7.7

Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

Việt Nam – Cổ phiếu tiêu biểu

Khu vực	Mã	Tên công ty	Giá bán	Vốn hóa thị trường (VNDtỷ)	GTGD (VNDtỷ triệu USDm)	Room còn lại (% -1đ)	PER (X)		EPS CAGR (%)	ROE (%)		P/B (X)		Biến động (%)			
							19E	20E		19E	20E	19E	20E	1D	1W	1M	YTD
Tiện ích	GAS	PETROVIETNAM GAS	83,200	159,241 (6,846)	29,006 (1.3)	45.4	13.2	12.5	2.5	25.2	25.5	3.0	2.9	-3.8	-10.9	-12.2	-11.2
	NT2	PETROVIETNAM NHO	18,700	5,383 (231)	4,258 (0.2)	30.6	7.3	6.8	-0.9	18.8	19.7	-	-	-2.9	1.6	-12.8	-13.6
	PPC	PHA LAI THERMAL	24,900	7,983 (343)	4,400 (0.2)	32.7	8.7	8.4	-9.1	16.3	16.6	1.4	-	-2.7	-5.9	-2.5	-7.4
Nguyên vật liệu	HPG	HOAPHATGRP.JSC	24,550	67,784 (2,914)	187,078 (8.1)	10.3	7.8	6.8	1.6	17.8	17.8	1.2	1.1	1.9	-3.7	1.7	4.5
	DPM	PETROVIETNAM FER	11,150	4,363 (188)	4,259 (0.2)	30.2	9.8	7.6	-16.2	6.2	7.7	0.5	0.5	-3.9	-11.5	-12.9	-13.9
	DCM	PETROCA MAU FER	5,680	3,007 (129)	1,323 (0.1)	46.6	9.2	9.3	-	5.3	5.1	0.5	0.5	-3.9	-3.9	-11.4	-12.6
	HSG	HOA SENG GROUP	8,230	3,483 (150)	46,288 (2.0)	30.3	9.0	6.8	-5.5	7.2	8.3	0.5	0.5	1.0	-0.8	3.1	5.4
	AAA	ANPHATBIOPLAST	10,700	1,832 (079)	21,906 (0.9)	37.1	4.8	-	49.2	16.3	-	0.6	-	-7.0	-14.1	-15.7	-15.7
Năng lượng	PLX	VIETNAM NATIONAL	51,000	60,731 (2,611)	16,870 (0.7)	6.6	14.7	13.3	11.9	19.3	19.4	2.8	2.9	-3.8	-8.9	-10.7	-8.9
	PVD	PETROVIETNAM DRI	12,500	5,264 (226)	47,530 (2.0)	30.4	23.7	8.8	21.2	1.8	4.6	0.4	0.4	-6.0	-13.8	-17.8	-16.9
	PVT	PETROVIET TRANSP	13,150	3,701 (159)	5,835 (0.3)	17.0	5.3	5.4	6.9	13.8	14.9	0.6	-	-4.7	-12.3	-19.6	-21.7
Hàng tiêu dùng không thiết yếu	MWG	MOBILEWORLD INV	108,800	49,309 (2,120)	83,211 (3.6)	0.0	10.3	8.7	25.9	34.4	32.5	3.0	2.4	-1.8	-8.3	-5.6	-4.6
	PNJ	PHU NHUAN JEWELR	82,800	18,646 (802)	82,739 (3.6)	0.0	14.0	12.4	20.3	27.8	27.3	3.3	2.9	-1.8	-10.0	-4.6	-3.7
	YEG	YEAH1 GROUP CORP	35,500	1,047 (045)	1,176 (0.1)	68.2	21.4	-	-40.0	3.6	-	0.8	-	-4.1	-5.3	-4.1	-4.1
	FRT	FPT DIGITAL RETA	16,800	1,327 (057)	3,899 (0.2)	2.0	4.2	4.2	-3.9	21.1	18.8	0.8	0.7	-2.0	-8.7	-26.0	-20.2
Chăm sóc sức khỏe	PHR	PHUOC HOA RUBBER	34,100	4,621 (199)	13,883 (0.6)	43.1	4.2	15.4	31.3	35.3	-	1.3	-	-6.2	-13.2	-15.4	-10.7
	DHG	DHG PHARMACEUTIC	102,600	13,415 (577)	4,024 (0.2)	45.6	21.1	19.5	4.0	20.0	20.0	3.8	3.6	3.1	16.1	12.5	12.1
	PME	PYMEPHARCO JSC	58,000	4,351 (187)	777 (0.0)	37.9	-	-	-	-	-	-	-	0.9	7.4	8.4	6.8
IT	FPT	FPT CORP	51,500	34,931 (1,502)	106,035 (4.6)	0.0	9.2	8.3	26.6	25.2	27.1	2.0	1.7	-1.0	-10.3	-10.6	-11.7

Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

KHOẢNG PHÂN TÍCH CÔNG TY CHỨNG KHOẢN KB VIỆT NAM

Giám đốc Khối Phân Tích – Nguyễn Xuân Bình

binhnx@kbsec.com.vn

Phân tích Ví mô & Chiến lược Thị trường

Giám đốc Kinh tế Ví mô & Chiến lược thị trường – Trần Đức Anh

anhtd@kbsec.com.vn

Chuyên viên Phân tích Ví mô – Thái Thị Việt Trinh

trinhhtt@kbsec.com.vn

Chuyên viên Chiến lược Thị trường – Lê Anh Tùng

tungla@kbsec.com.vn

Phân tích Doanh nghiệp (Hà Nội)

Giám đốc Phân tích Doanh nghiệp (Hà Nội) – Dương Đức Hiếu

hieudd@kbsec.com.vn

Chuyên viên Phân tích Công nghệ & Logistics – Nguyễn Anh Tùng

tungna@kbsec.com.vn

Chuyên viên Phân tích Bất động sản – Phạm Hoàng Bảo Nga

ngaphb@kbsec.com.vn

Chuyên viên Phân tích Năng lượng & Vật liệu xây dựng – Lê Thành Công

congl@kbsec.com.vn

Chuyên viên Phân tích Ngân hàng Tài chính – Nguyễn Thị Thu Huyền

huyenntt@kbsec.com.vn

Phân tích Doanh nghiệp (Hồ Chí Minh)

Giám đốc Phân tích Doanh nghiệp (Hồ Chí Minh) – Harrison Kim

harrison.kim@kbf.com

Chuyên viên Phân tích Hàng tiêu dùng & Bán lẻ – Đào Phúc Phương Dung

dungdpp@kbsec.com.vn

Chuyên viên Phân tích Thủy sản & Dược phẩm – Nguyễn Thanh Danh

danhnt@kbsec.com.vn

Chuyên viên Phân tích Dầu Khí & Hóa chất – Nguyễn Vinh

vinhn@kbsec.com.vn

Bộ phận Marketing Research

Chuyên viên Marketing Hàn Quốc – Seon Yeong Shin

shin.sy@kbsec.com.vn

CTCP CHỨNG KHOÁN KB VIỆT NAM (KBSV)

Trụ sở chính:

Địa chỉ: Tầng G, tầng 2 và 7, Tòa nhà Sky City số 88 Láng Hạ, Đống Đa, Hà Nội
Điện thoại: (+84) 24 7303 5333 - Fax: (+84) 24 3776 5928

Chi nhánh Hà Nội:

Địa chỉ: Tầng 1, Tòa nhà VP, số 5 Điện Biên Phủ, Quận Ba Đình, Hà Nội
Điện thoại: (+84) 24 7305 3335 - Fax: (+84) 24 3822 3131

Chi nhánh Hồ Chí Minh:

Địa chỉ: Tầng 2, TNR Tower Nguyễn Công Trứ, 180-192 Nguyễn Trứ, Q1, TP Hồ Chí Minh
Điện thoại: (+84) 28 7303 5333 - Fax: (+84) 28 3914 1969

Chi nhánh Sài Gòn:

Địa chỉ: Tầng 1, Saigon Trade Center, 37 Tôn Đức Thắng, Phường Bến Nghé, Q1, Hồ Chí Minh
Điện thoại: (+84) 28 7306 3338 - Fax: (+84) 28 3910 1611

LIÊN HỆ

Trung Tâm Khách hàng Tổ chức: (+84) 28 7303 5333 – Ext: 2656

Trung Tâm Khách hàng Cá nhân: (+84) 24 7303 5333 – Ext: 2276

Email: ccc@kbsec.com.vn

Website: www.kbsec.com.vn

Hệ thống khuyến nghị

Hệ thống khuyến nghị đầu tư cổ phiếu

(dựa trên kỳ vọng tăng giá tuyệt đối trong 6 tháng tới)

Mua:	Nắm giữ:	Bán:
+15% hoặc cao hơn	trong khoảng +15% và -15%	-15% hoặc thấp hơn

Hệ thống khuyến nghị đầu tư ngành

(dựa trên kỳ vọng tăng giá tuyệt đối trong 6 tháng tới)

Khả quan:	Trung lập:	Kém khả quan:
Vượt trội hơn thị trường	Phù hợp thị trường	Kém hơn thị trường

Ý kiến trong báo cáo này phản ánh đánh giá chuyên môn của (các) chuyên viên phân tích kể từ ngày phát hành và dựa trên thông tin, dữ liệu thu được từ các nguồn mà KBSV cho là đáng tin cậy. KBSV không tuyên bố rằng những thông tin, dữ liệu này là chính xác hoặc đầy đủ. Các quan điểm được trình bày trong báo cáo có thể được thay đổi mà không cần thông báo trước. Khách hàng nên đọc lập xem xét các điều kiện, mục tiêu cụ thể của riêng mình và tự chịu trách nhiệm về các quyết định đầu tư. Chúng tôi sẽ không có trách nhiệm đối với các khoản đầu tư hoặc kết quả của chúng. Những tài liệu này là bản quyền của KBSV và không được sao chép, phân phối lại hoặc sửa đổi mà không có sự đồng ý trước bằng văn bản của KBSV. Nhận xét và quan điểm trong báo cáo này có tính chất đưa thông tin chung, chỉ nhằm mục đích tham khảo và không được phép sử dụng cho bất kỳ mục đích nào khác.